

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 25/2023/DS - ST
Ngày 14 tháng 4 năm 2023
“*V/v Tranh chấp về thừa kế*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thuý Lợi
2. Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Thủy Sơn Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thắng Trinh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 tháng 01 năm 2023 và ngày 14 tháng 4 năm 2023 tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 185/2022/TLST - DS ngày 31 tháng 5 năm 2022 về “***Tranh chấp về thừa kế***” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2022/QĐXXST - DS ngày 16 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/QĐST - DS ngày 04 tháng 01 năm 2023 và Thông báo thời gian, địa điểm tiếp tục phiên tòa số 267/TB - TA ngày 28 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1978

Địa chỉ: 159 LTT, phường YD, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Duy N, sinh năm 1975

Địa chỉ: 11 TKD, phường DH, thành phố P, tỉnh Gia Lai

(Giấy ủy quyền công chứng số 1786 quyền số 06/2022 TP/CC – SCC/HĐGD ngày 06 tháng 6 năm 2022 tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Gia Lai).

Có mặt

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đức Đ, sinh năm 1935

Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1943

Địa chỉ: 182 PVĐ, tổ 04, phường TN, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Vắng mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Phạm Thị Thu H, sinh năm 1982

Địa chỉ: 34C NTMK, tổ 02, phường YD, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Có mặt

- Cháu Nguyễn Kỳ Phương L, sinh ngày 26 tháng 4 năm 2007

Cháu Nguyễn Chấn P, sinh ngày 08 tháng 02 năm 2012

Địa chỉ: 159 LTT, phường YD, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Đại diện theo pháp luật: Chị Nguyễn Thị Kim P.

Có mặt

- Bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1968

Địa chỉ: Làng B, xã ID, huyện IG, tỉnh Gia Lai

Vắng mặt có Đơn đề nghị vắng mặt trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 5 năm 2022, bản tự khai ngày 01 tháng 6 năm 2022, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và tại phiên tòa đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Duy N trình bày:

Chị Nguyễn Thị Kim P và anh Nguyễn Đức H là vợ chồng hợp pháp. Trong thời kỳ hôn nhân, anh chị có 02 (hai) con chung là cháu Nguyễn Kỳ Phương L, sinh ngày 26 tháng 4 năm 2007 và cháu Nguyễn Chấn P, sinh ngày 08 tháng 02 năm 2012; anh chị cùng tạo lập tài sản chung là quyền sử dụng đất tại làng Bh, xã ID, huyện IG, tỉnh Gia Lai, thửa đất số 93b2, 95b, tờ bản đồ số 33, diện tích 150m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 436168 do Ủy ban nhân dân huyện IG cấp ngày 24 tháng 6 năm 2013 cho anh Nguyễn Đức H và chị Nguyễn Thị Kim P.

Đầu năm 2018, chị P và anh H phát sinh mâu thuẫn vợ chồng do anh chị không hòa hợp về tính tình, cách sống và quan điểm sống; nhiều lần chị P mua bán bất động sản nhưng anh H không đồng ý. Đến giữa năm 2018 anh H chuyển về ở tại nhà của ông Nguyễn Đức Đ và bà Nguyễn Thị B - cha mẹ ruột của anh H.

Ngày 16 tháng 10 năm 2020 anh H chết không để lại di chúc. Do đất tại làng B, xã ID, huyện IG, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 436168 là tài sản chung hợp nhất nên ½ giá trị quyền sử dụng đất này là di sản do anh H để lại.

Theo quy định của pháp luật, người được hưởng di sản thừa kế của anh H là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm vợ, con và cha mẹ của anh H cụ thể chị Nguyễn Thị Kim P, ông Nguyễn Đức Đ, bà Nguyễn Thị B, con Nguyễn Kỳ Phương L và con Nguyễn Chấn P. Tuy nhiên, chị P không thỏa thuận được với ông Đ, bà B về phân chia di sản thừa kế mà anh H để lại nên khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố P giải quyết.

Ngoài ra, cha mẹ chị P có tặng cho riêng chị P nhà và đất tại 317 HS, thành phố P, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 802333 do Ủy ban nhân dân thành phố P cấp cho bà Nguyễn Thị Kim P ngày 04 tháng 8 năm 2003. Trong thời gian anh chị sống ly thân, chị P thế chấp tài sản riêng này tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai - Phòng giao dịch HBT để vay số tiền 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng để góp tiền cùng với chị Phạm Thị Thu H nhận chuyển nhượng chung quyền sử dụng đất tại làng B, xã ID, huyện IG, tỉnh Gia Lai, thửa đất số 226, tờ bản đồ số 34, diện tích 466m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 583505 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 21 tháng 7 năm 2016 cho bà Nguyễn Thị Khánh D, chỉnh lý biến động chuyển nhượng cho chị Nguyễn Thị Kim P và chị Phạm Thị Thu H ngày 21 tháng 01 năm 2020.

Khi vay, mặc dù nhà và đất tại 317 HS, thành phố P, tỉnh Gia Lai là tài sản riêng của chị P nhưng Ngân hàng vẫn yêu cầu anh H ký tên người liên đới nghĩa vụ trả nợ trong Giấy đề nghị vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh kiêm phương án/dự án vay – trả nợ còn Hợp đồng cho vay và Hợp đồng thế chấp chị P trực tiếp ký kết và chịu trách nhiệm trả gốc và lãi khi đến hạn. Tháng 4 năm 2020 chị P đáo hạn và vay số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng để kinh doanh. Hiện lô đất mà chị P và chị H đồng sở hữu chưa chuyển nhượng được nên chị P chưa có tiền trả nợ cho Ngân hàng.

Chị Nguyễn Thị Kim P yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố P giải quyết các vấn đề sau đây:

- Công nhận quyền sử dụng đất ½ lô đất tại làng B, xã ID, huyện IG, tỉnh Gia Lai, thửa đất số 266, tờ bản đồ số 34, diện tích 466m² được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 583505 ngày 21 tháng 7 năm 2016 cho bà Nguyễn Thị Khánh D, chỉnh lý biến động chuyển nhượng cho chị Nguyễn Thị Kim P và chị Phạm Thị Thu H ngày 21 tháng 01 năm 2020 là tài sản riêng của chị Nguyễn Thị Kim P trong thời kỳ hôn nhân.

- Chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Đức H là 50% giá trị lô đất tại làng B, xã ID, huyện IG, tỉnh Gia Lai, thửa đất số 93b2, 95b, tờ bản đồ số 33, diện tích 150m² được Ủy ban nhân dân huyện IG cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 436168 ngày 24 tháng 06 năm 2013 cho anh Nguyễn Đức H và chị Nguyễn Thị Kim P có trị giá theo Biên bản định giá tài sản ngày 09 tháng 11 năm 2022 là 750.000.000 (bảy trăm năm mươi triệu) đồng theo hướng giao toàn bộ di sản cho chị P quản lý, sử dụng, chị P có nghĩa vụ thanh toán cho những người thừa kế di sản là ông Nguyễn Đức Đ, bà Nguyễn Thị B (cha mẹ ruột của anh H), cháu Nguyễn Kỳ Phương L, cháu Nguyễn Chấn P (các con ruột của anh H), mỗi người là 75.000.000 (bảy mươi lăm triệu) đồng, chị P là người quản lý phần di sản thừa kế của 02 cháu L và P.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Đức Đ, bà Nguyễn Thị B:

Tòa án đã triệu tập họp lệ ông Nguyễn Đức Đ, bà Nguyễn Thị B để ông bà trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim P nhưng ông bà không đến Tòa án làm việc. Vì vậy Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng theo luật định để xét xử vắng mặt bị đơn.

Theo bản tự khai ngày 14 tháng 6 năm 2022, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Thu H trình bày:

Chị và chị Nguyễn Thị Kim P đồng sở hữu đối với tài sản là quyền sử dụng đất tại làng B, xã ID, huyện IG, tỉnh Gia Lai, thửa đất số 226, tờ bản đồ số 34, diện tích 466m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 583505 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 21 tháng 7 năm 2016; mỗi người có quyền sử dụng đối với ½ diện tích đất này. Vì vậy đối với trường hợp phát sinh tranh chấp thừa kế đối với thửa đất nói trên thì ½ diện tích đất này thuộc quyền sử dụng của chị đã được pháp luật ghi nhận mà không bên nào có quyền tranh chấp.

Nguồn gốc khoản tiền mà chị Nguyễn Thị Kim P góp chung cùng chị để mua đất tại làng B, xã ID, huyện IG, tỉnh Gia Lai nói trên, theo tôi được biết là do chị P thế chấp đất để vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai – Phòng giao dịch HBT còn đất nào tại đâu thì chị không rõ. Việc chị Nguyễn Thị Kim P yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng ½ đất tại làng B, xã ID, huyện IG, tỉnh Gia Lai, thửa đất số 226, tờ bản đồ số 34, diện tích 466m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 583505 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 21 tháng 7 năm 2016 là tài sản riêng của chị Nguyễn Thị Kim P thì bản thân chị không có ý kiến gì mà tùy theo quy định của pháp luật.

Theo các chứng cứ có tại hồ sơ và tại phiên tòa, đại diện theo pháp luật của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Nguyễn Kỳ Phương L, cháu Nguyễn Chấn P - chị Nguyễn Thị Kim P trình bày:

Chị cũng thống nhất theo nội dung trình bày và yêu cầu khởi kiện của đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đã trình bày. Khi vay, mặc dù tài sản thế chấp là tài sản riêng của chị nhưng do yêu cầu của Ngân hàng, anh H có ký vào Hợp đồng thế chấp người liên đới nghĩa vụ trả nợ. Năm 2020 chị đáo hạn vay số tiền 1.000.000.000 đồng để kinh doanh, khoản vay này chị chịu trách nhiệm trả lãi hàng tháng và trả nợ gốc khi đến hạn. Năm 2022, chị đã vay mượn để tất toán khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai - Phòng giao dịch HBT và dùng tài sản riêng này tiếp tục thế chấp tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai – Phòng giao dịch ĐT để vay đúng số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng nhằm chi trả cho khoản tiền đã mượn trước đó. Thực chất khoản tiền vay tại Ngân hàng mà chị dùng để nhận chuyển nhượng lô đất cùng với chị Phạm Thị Thu H hiện chị còn đang nợ và tự mình gánh vác trách nhiệm trả gốc và lãi cho Ngân hàng. Cho nên ½ quyền sử dụng đất tại làng B, xã

ID, huyện IG, tỉnh Gia Lai, thửa đất số 226, tờ bản đồ số 34, diện tích 466m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 583505 là tài sản riêng của chị.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tuyết Mai vắng mặt nhưng theo Biên bản lấy lời khai ngày 09 tháng 11 năm 2022, ý kiến của bà M như sau:

Bà được chị Nguyễn Thị Kim P và anh Nguyễn Đức H cho ở nhờ trên đất tại làng B, xã ID, huyện IG, tỉnh Gia Lai, thửa đất số 93b2, 95b, tờ bản đồ số 33, diện tích 150m² được Ủy ban nhân dân huyện IG cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 436168 ngày 24 tháng 06 năm 2013. Tài sản trên đất do bà xây dựng và tạo lập nên. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị P, bà không có ý kiến gì và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà tự nguyện tháo dỡ các tài sản này khi chị Pg hoặc cơ quan có thẩm quyền yêu cầu và không yêu cầu chị P phải bồi thường cho bà đối với tài sản trên đất không thể tháo dỡ di dời.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P có ý kiến như sau:

Về trình tự, thủ tục tố tụng: Việc Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như trình tự phiên tòa. Các đương sự đều chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng riêng các bị đơn ông Nguyễn Đức Đ, bà Nguyễn Thị B, việc chấp hành theo pháp luật tố tụng còn hạn chế.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim P

Xác định di sản thừa kế của anh Nguyễn Đức H là ½ quyền sử dụng đất tại làng B, xã ID, huyện IG, tỉnh Gia Lai, thửa đất số 93b2, 95b, tờ bản đồ số 33, diện tích 150m² được Ủy ban nhân dân huyện IG cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 436168 ngày 24 tháng 06 năm 2013. Trị giá di sản qua định giá là 375.000.000 (ba trăm bảy mươi lăm triệu) đồng.

Những người hưởng di sản thừa kế theo pháp luật của anh Nguyễn Đức H là ông Nguyễn Đức Đ, bà Nguyễn Thị B, chị Nguyễn Thị Kim P, cháu Nguyễn Kỳ Phương L, cháu Nguyễn Chấn P, mỗi người được hưởng 1/5 kỷ phần, mỗi kỷ phần trị giá 75.000.000 (bảy mươi lăm triệu) đồng.

Giao toàn bộ di sản thừa kế của anh Nguyễn Đức H cho chị Nguyễn Thị Kim P quản lý, sử dụng. Chị Nguyễn Thị Kim P có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Đức Đ, bà Nguyễn Thị B, cháu Nguyễn Kỳ Phương L, cháu Nguyễn Chấn P, mỗi người 75.000.000 (bảy mươi lăm triệu) đồng.

Công nhận quyền sử dụng đất $\frac{1}{2}$ lô đất tại làng B, xã ID, huyện IG, tỉnh Gia Lai, thửa đất số 266, tờ bản đồ số 34, diện tích 466m² được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 583505 ngày 21 tháng 7 năm 2016 cho bà Nguyễn Thị Khánh D, chính lý biến động chuyển nhượng cho chị Nguyễn Thị Kim P và chị Phạm Thị Thu H ngày 21 tháng 01 năm 2020 là tài sản riêng của chị Nguyễn Thị Kim P trong thời kỳ hôn nhân.

Sau khi thực hiện xong nghĩa vụ đối với những người thừa kế, chị Nguyễn Thị Kim P có quyền liên hệ các cơ quan có thẩm quyền đăng ký chính lý quyền sử dụng đối với các tài sản là quyền sử dụng đất nêu trên.

Những người được hưởng di sản thừa kế phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Chị Nguyễn Thị Kim P tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Nguyễn Đức H chết ngày 16 tháng 10 năm 2020 không để lại di chúc. Theo điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015, người thừa kế theo pháp luật là vợ Nguyễn Thị Kim P, cha đẻ Nguyễn Đức Đ, mẹ đẻ Nguyễn Thị B, con đẻ Nguyễn Kỳ Phương L, Nguyễn Chấn P. Vì vậy, chị P có quyền khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của anh H.

Giữa những người thừa kế theo pháp luật không thống nhất về cách phân chia di sản thừa kế nên đây là Tranh chấp về thừa kế tài sản, bị đơn cư trú trên địa bàn thành phố P nên thẩm quyền giải quyết thuộc về Tòa án nhân dân thành phố P theo loại việc, theo lãnh thổ và theo cấp xét xử.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã tiến hành triệu tập hợp lệ các bị đơn để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim P, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng các bị đơn vắng mặt không có lý do; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tuyết M có Đơn đề nghị vắng mặt trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án vì vậy căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Chị Nguyễn Thị Kim P và anh Nguyễn Đức H đăng ký kết hôn tháng 01 năm 2005. Từ thời điểm kết hôn đến ngày anh H chết, anh H, chị P được ghi nhận quyền sử dụng đối với 02 tài sản sau đây:

2.1 Đất tại làng B, xã ID, huyện IG, tỉnh Gia Lai, thửa đất số 93b2, 95b, tờ bản đồ số 33, diện tích 150m² được Ủy ban nhân dân huyện IG cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 436168 ngày 24 tháng 06 năm 2013 đứng tên anh Nguyễn Đức H và chị Nguyễn Thị Kim P.

Lô đất này có nguồn gốc do anh H và chị P nhận chuyển nhượng của bà Trần Phước Thị Ngọc C theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất công chứng số 01853 quyền số 04 VP/CC - SCC/HĐGD ngày 26 tháng 4 năm 2013 tại Văn phòng công chứng P. Chị P thống nhất đây là tài sản do anh chị tạo lập trong thời kỳ hôn nhân; mặt khác không có chứng cứ xác định có sự chênh lệch về công sức đóng góp đối với tài sản chung nên ½ quyền sử dụng lô đất là di sản thừa kế của anh Nguyễn Đức H.

Di sản là đất trồng cây hàng năm, diện tích 75m² nên đây là tài sản không thể phân chia bằng hiện vật mà chỉ có thể phân chia bằng trị giá tài sản tương ứng. Theo kết quả định giá tại Biên bản định giá ngày 09 tháng 11 năm 2022, di sản có trị giá là 375.000.000 (ba trăm bảy mươi lăm triệu) đồng, tương ứng với trị giá của một kỷ phần là 75.000.000 đồng.

Trong những người hưởng thừa kế, các con của anh H cháu Nguyễn Kỳ Phương L, cháu Nguyễn Chấn P chưa thành niên nên chị P là người giám hộ theo quy định tại khoản 3 Điều 69 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền quản lý tài sản của cháu L, cháu P. Do chị Nguyễn Thị Kim P có quyền sử dụng đối với ½ lô đất, hưởng 1/5 trị giá di sản, quản lý 2/5 trị giá di sản nên cần thiết giao toàn bộ di sản là ½ lô đất tại làng B, xã ID, huyện IG, tỉnh Gia Lai, thửa đất số 93b2, 95b, tờ bản đồ số 33, diện tích 150m² được Ủy ban nhân dân huyện IG cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 436168 ngày 24 tháng 06 năm 2013 cho chị P quản lý, sử dụng. Chị Nguyễn Thị Kim P có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Đức Đ, bà Nguyễn Thị B, cháu Nguyễn Kỳ Phương L và cháu Nguyễn Chấn P, mỗi người 75.000.000 đồng.

2.2 Đất tại làng B, xã ID, huyện IG, tỉnh Gia Lai, thửa đất số 266, tờ bản đồ số 34, diện tích 466m² được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 583505 ngày 21 tháng 7 năm 2016 cho bà Nguyễn Thị Khánh D, chỉnh lý biến động chuyển nhượng cho chị Nguyễn Thị Kim P và chị Phạm Thị Thu H ngày 21 tháng 01 năm 2020.

Đất này có nguồn gốc chị P và chị H nhận chuyển nhượng của bà Bùi Thị Thu T (chị T nhận uỷ quyền của chồng anh Nguyễn Văn Kim C) theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất công chứng số 0309 quyền số 03 VP/CC - SCC/HĐGD ngày 21 tháng 01 năm 2020 tại Văn phòng công chứng ĐAB. Giá chuyển nhượng là 50.000.000 đồng nhưng chị P và chị H đều thống nhất các chị nhận chuyển nhượng đất với giá 1.500.000.000 (một tỷ năm trăm triệu) đồng, mỗi người góp 750.000.000 đồng.

Ngày 17 tháng 01 năm 2020 chị P thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất tại thôn 02, xã DP, thành phố P, tỉnh Gia Lai, thửa đất số 376 (79A cũ), tờ bản đồ số 6 (03 cũ), diện tích 1.500m² trong đó có 100m² đất ở và 1.400m² đất trồng cây lâu năm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 802333 do Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai cấp ngày 04 tháng 8 năm 2003 đứng tên Nguyễn Thị Kim P tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai - Phòng giao dịch HBT để vay số tiền 700.000.000

đồng. Tài sản thế chấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 802333 ngày 04 tháng 8 năm 2003 hình thành trước thời điểm chị P và anh H kết hôn nên đây là tài sản riêng của chị P. Trong thời kỳ hôn nhân, chị P không sáp nhập tài sản này vào tài sản chung vợ chồng cụ thể khi chỉnh lý chủ sử dụng đất năm 2019 hoặc vẽ trích lục bản đồ năm 2020 đều không yêu cầu thay đổi chủ sử dụng đất là chị Nguyễn Thị Kim P và anh Nguyễn Đức H. Từ đó khoản tiền vay có được từ việc thế chấp tài sản riêng là tài sản riêng của chị P. Thời điểm thế chấp vay tiền gần với thời điểm nhận chuyển nhượng đất từ chị Bùi Thị Thu T. Như vậy, các chứng cứ phù hợp về thời gian, hoàn cảnh cho thấy nguồn gốc cơ bản tạo lập nên $\frac{1}{2}$ tài sản là đất tại làng B, xã ID, huyện IG, tỉnh Gia Lai, thửa đất số 266, tờ bản đồ số 34, diện tích 466m² được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ 583505 ngày 21 tháng 7 năm 2016 là từ tài sản riêng của chị P.

Bên cạnh đó, khi chị Nguyễn Thị Kim P nâng mức vay lên 1.000.000.000 (một tỷ) đồng theo Hợp đồng cho vay số 88/2020 - HĐCV/NHCT500 - N. T. K. PHUONG ngày 22 tháng 4 năm 2020, anh Nguyễn Đức H là người chịu trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay chị P trong trường hợp chị P không còn khả năng thanh toán nợ. Tuy nhiên, toàn bộ khoản vay này đã được chị P thanh toán khi đến hạn là ngày 08 tháng 5 năm 2021 sau khi anh H chết nên nghĩa vụ trả nợ thay cho chị P của anh H không phát sinh trên thực tế. Do đó, việc anh Nguyễn Đức H ký vào mục “*Người liên đới nghĩa vụ trả nợ*” trong Giấy đề nghị vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh kiêm phương án /dự án vay – trả nợ ngày 12 tháng 3 năm 2020 chỉ có ý nghĩa về mặt thủ tục để ngân hàng cho vay còn người trực tiếp ký kết Hợp đồng cho vay, nhận tiền vay, thực hiện nghĩa vụ trả lãi và gốc khi đến hạn là chị Nguyễn Thị Kim P.

Chuỗi hành vi liên tiếp về mặt thời gian từ thời điểm thế chấp tài sản riêng để vay tiền, dùng tiền vay để nhận chuyển nhượng đất cùng chị Phạm Thị Thu H và tự chịu trách nhiệm cá nhân thanh toán khoản nợ cho thấy chị Nguyễn Thị Kim P đã tách bạch tài sản này trong khối tài sản chung vợ chồng. Do đó, căn cứ theo khoản 2 Điều 43 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 “*Tài sản được hình thành từ tài sản riêng của vợ, chồng là tài sản riêng của vợ, chồng*” Hội đồng xét xử có cơ sở nhận định $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đất đối với lô đất tại làng B, xã ID, huyện IG, tỉnh Gia Lai, thửa đất số 266, tờ bản đồ số 34, diện tích 466m² được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ 583505 ngày 21 tháng 7 năm 2016 cho cho bà Nguyễn Thị Khánh D, chỉnh lý biến động chuyển nhượng cho chị Nguyễn Thị Kim P và chị Phạm Thị Thu H ngày 21 tháng 01 năm 2020 là tài sản riêng của chị Nguyễn Thị Kim P trong thời kỳ hôn nhân.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kim P được chấp nhận, chị P chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đối với yêu cầu công nhận tài sản riêng và 3.750.000 (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng đối với yêu cầu chia di sản thừa kế.

Ông Nguyễn Đức Đ, bà Nguyễn Thị B, cháu Nguyễn Kỳ Phương L, cháu Nguyễn Chấn P, mỗi người phải chịu án phí 3.750.000 (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng tương ứng với phần di sản được nhận.

Chị Nguyễn Thị Kim P là đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Kỳ Phương L và cháu Nguyễn Chấn P nên có nghĩa vụ nộp án phí thay cho cháu L và cháu P.

[4] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 10.000.000 (mười triệu) đồng. Quá trình tham gia tố tụng, chị Nguyễn Thị Kim P đã nộp đủ tạm ứng và tại phiên toà, chị tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng này. Chị P đã thực hiện xong nghĩa vụ đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 46, 59, 136, 213, 219, 280, 357, 468, 612, 651, 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 33, 43, 69 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ các Điều 4, 5; khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 97, Điều 186, Điều 227, Điều 259, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 146, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim P

- Giao cho chị Nguyễn Thị Kim P nhận toàn bộ di sản thừa kế của anh Nguyễn Đức H là $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đất tại làng B, xã ID, huyện IG, tỉnh Gia Lai, thửa đất số 93b2, 95b, tờ bản đồ số 33, diện tích 150m² được Ủy ban nhân dân huyện IG cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 436168 ngày 24 tháng 06 năm 2013.

Chị Nguyễn Thị Kim P thanh toán cho ông Nguyễn Đức Đ, bà Nguyễn Thị B, cháu Nguyễn Kỳ Phương L và cháu Nguyễn Chấn P, mỗi người nhận một kỷ phần tương ứng với số tiền 75.000.000 (bảy mươi lăm triệu) đồng. Chị Nguyễn Thị Kim P là người quản lý kỷ phần của cháu Nguyễn Kỳ Phương L và cháu Nguyễn Chấn P cho đến khi việc giám hộ chấm dứt theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Công nhận quyền sử dụng đất $\frac{1}{2}$ lô đất tại làng B, xã ID, huyện IG, tỉnh Gia Lai, thửa đất số 266, tờ bản đồ số 34, diện tích 466m² được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 583505 ngày 21 tháng 7 năm 2016 cho cho bà Nguyễn Thị Khánh D, chỉnh lý biến động chuyển nhượng cho chị Nguyễn Thị Kim P và chị Phạm Thị Thu H ngày 21 tháng 01 năm 2020 là tài sản riêng của chị Nguyễn Thị Kim P trong thời kỳ hôn nhân.

Sau khi thực hiện xong nghĩa vụ tài chính đối với những người thừa kế khác, chị Nguyễn Thị Kim P được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục chỉnh lý biến động đối với tài sản là quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Kim P chịu 300.000 (ba trăm triệu) đồng án phí về công nhận tài sản riêng nhưng được khấu trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị Kim P đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001842 ngày 01 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P. Chị P đã nộp đủ án phí này.

Chị Nguyễn Thị Kim P chịu 3.750.000 (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng án phí về chia di sản thừa kế nhưng được khấu trừ vào 1.250.000 (một triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị Kim P đã nộp theo Biên lai nộp tiền số 0001831 ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P. Chị P phải tiếp tục nộp tiền án phí còn lại là 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng sung công quỹ Nhà nước.

Chị Nguyễn Thị Kim P chịu nộp 7.500.000 (bảy triệu năm trăm nghìn) đồng án phí về chia di sản thừa kế thay cho cháu Nguyễn Kỳ Phương L và cháu Nguyễn Chấn P.

Ông Nguyễn Đức Đ, bà Nguyễn Thị B mỗi người chịu 3.750.000 (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng án phí về chia thừa kế sung công quỹ nhà nước.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo để Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Riêng các bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Võ Thị Thanh Thuý

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA